TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG KHÁNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2020
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Khánh Nam

2. Bà Lê Ngọc Lan

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Hữu Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 702/ 2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019, về việc "*Xin ly hôn*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Vũ Thị D, sinh năm 1975.

* Bị đơn: Anh Ngô Quang H, sinh năm 1972.

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đ. Chỗ ở hiện nay: Số 61 Đào Trí P, tổ 11, khu phố 1, phường X, thành phố K, tỉnh Đ.

(Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Vũ Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Vũ Thị D và anh Ngô Quang H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/11/1993 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện K (nay là phường X, thành phố K), tỉnh Đ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đ. Đến năm 2012 thì chuyển về K sinh sống đăng ký tạm trú và làm việc thường xuyên tại địa chỉ số 61 Đào Trí P, tổ 11, khu phố 1, phường X, thành phố K, tỉnh Đ cho đến nay. Ngoài ra, vợ chồng còn có căn nhà tại địa chỉ: 536 khu phố 3, phường B, thành phố K, tỉnh Đ để đi lại.

Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Theo nguyên đơn, bị đơn không có việc làm ổn định thường ăn chơi, cờ bạc, công việc do một mình chị quán xuyến. Ngoài ra, chị D còn nghi ngờ anh H có người phụ nữ khác bên ngoài. Từ đó, hai vợ chồng không ai tin tưởng ai, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H uống rượu vào kiếm chuyện, nhiều lần xảy ra mâu thuẫn anh H còn đánh chị D. Tháng 11/2017, nguyên đơn đã làm đơn xin ly hôn bị đơn tại Tòa án, nhưng sau đó đã rút đơn cho bị đơn cơ hội, nhưng bị đơn không thay đổi, vẫn tính nào tật đó. Hiện nay, do tình cảm vợ chồng không còn, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn anh Ngô Quang H.

- Về con chung: Cháu Ngô Vũ Chiêu L đã trưởng thành, còn cháu Ngô Vũ Trúc L, sinh ngày 01/01/2004 chị D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị D khai không có.

* *Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án gồm*: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, trích lục giấy khai sinh con chung; trích lục giấy chứng nhận kết hôn; quyết định đình chỉ giải quyết vụ án (bản chính),bản tự khai ngày 30/12/2019.

* *Các chứng cứ do Tòa án thu thập được:* Biên bản lấy lời khai anh Ngô Quang H ngày 13/01/2020, biên bản lấy lời khai cháu Ngô Vũ Trúc L ngày 20/02/2020, biên bản xác minh tại phường X ngày 06/3/2020, ngày 13/3/2020 và hộ chiếu (Passport) của anh Ngô Quang H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/01/2020 bị đơn anh Ngô Quang H trình bày: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng 2 năm nay thường xảy ra mâu thuẫn do không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã do ghen tuông, tình trạng này kéo dài. Hiện nay, mặc dù còn sống chung nhà, nhưng không ai còn quan tâm tới ai nữa. Anh H đồng ý yêu cầu ly hôn của chị D (BL 22).

- Về con chung: Nếu dẫn đến việc ly hôn, anh đồng ý giao cháu Ngô Vũ Trúc L, sinh ngày 01/01/2004 cho chị D nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thủ tục tố tụng được Tòa án tiến hành đúng quy định; quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành thủ tục tố tụng theo yêu cầu của Tòa án kể từ thời điểm thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ kiện.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D, anh H sống chung không hạnh phúc, mặc dù hiện nay còn sống chung nhưng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn quan tâm đến nhau, anh H cũng đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án làm

việc. Do đó, việc chị D có yêu cầu ly hôn là có cơ sở, phù hợp với quy định tại điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Chị D và anh H chung sống có 02 con chung, cháu Ngô Vũ Chiêu L, sinh năm 1997 đã trưởng thành, chị D yêu cầu nuôi cháu Ngô Vũ Trúc L, sinh ngày 01/01/2004. Xét yêu cầu của chị D và nguyện vọng của cháu Trúc L, nên cần thiết giao cháu Trúc L cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận việc anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Vũ Thị D có yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Ngô Quang H, nên xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về việc ly hôn; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định bị đơn anh Ngô Quang H có nơi cư trú tại 61, Đào Trí P, phường X, thành phố K, tỉnh Đ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Vũ Thị D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Ngô Quang H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị D và anh Ngô Quang H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện K (nay là phường X, thành phố K), tỉnh Đ vào năm 1993, đây là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Vũ Thị D, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống chị D và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không tin tưởng ghen tuông lẫn nhau. Hơn nữa, anh H không có việc làm ổn định, công việc gia đình do chị D gánh vác, bên cạnh đó anh H lại không quan tâm lo lắng cho gia đình, thậm chí còn đánh đập chị D. Sự việc kéo dài chị D cũng đã nhờ đến chính quyền địa phương can thiệp và gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn, sau đó rút đơn cho anh H cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng không có kết quả (BL 09). Hiện nay, mặc dù sống chung trong nhà, nhưng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau. Về phía bị đơn anh Ngô Quang H cũng đồng ý ly hôn, nhưng không đến Tòa án làm việc để Tòa án hòa giải mâu thuẫn giữa hai bên, thể hiện anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm, đã thực sự mong muốn ly hôn giữa hai bên xảy ra (BL 22).

Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc từ hai phía, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị D yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] *Về con chung*: Xét thấy, chị D có yêu cầu nuôi con chung và hiện nay có việc làm ổn định, anh H cũng đồng ý, nên giao cháu Ngô Vũ Trúc L, sinh ngày 01/01/2004 cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng (BL 22).

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: chị Vũ Thị D được ly hôn anh Ngô Quang H.

Về con chung: Giao cháu Ngô Vũ Trúc L, sinh ngày 01/01/2004 cho chị Vũ Thị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Ngô Quang H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Anh H được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0005711 ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh Đ. Chị D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND T.ĐN;
- VKSND TPLK;
- CC THADS TPLK;
- UBND P. Xuân Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai